# Danh sách kiểm tra hằng ngày của người lái xe nâng

## Thông tin biểu mẫu

| | |
|---|---|
| **Mã biểu mẫu** | forklift-operator-daily-checklist |
| **Phiên bản** | v1.0 |
| **Ngôn ngữ** | Tiếng Việt (vi) |
| **Số hạng mục kiểm tra** | 37 |
| **Nguồn** | https://layeraudit.com |
| **Ngày sửa đổi** | 2026-10-27 |
| **Mô tả** | Mô tả: Danh sách kiểm tra hằng ngày của người lái xe nâng giúp các quản lý kho và đội an toàn ngăn ngừa sự cố thiết bị và khoảng trống tuân thủ do việc kiểm tra trước ca không đồng đều trong toàn bộ đội xe. Theo dõi mức chất lỏng, tình trạng chân càng và các phép thử vận hành bằng một danh sách kiểm tra hằng ngày có cấu trúc mà mọi người lái xe đều tuân thủ trước mỗi ca. Tải danh sách kiểm tra này để giảm thời gian dừng máy ngoài kế hoạch, đáp ứng các yêu cầu kiểm tra xe nâng và xây dựng chương trình an toàn kho đáng tin cậy. |

## Thông tin kiểm tra (điền trong quá trình kiểm tra)

| | |
|---|---|
| **Ngày kiểm tra** | |
| **Kiểm tra viên** | |
| **Khu vực / Bộ phận** | |
| **Người hướng dẫn** | |

## Hướng dẫn

1. Biểu mẫu này chứa 37 hạng mục kiểm tra. Ghi kết quả vào trang tính 'Danh sách kiểm tra'.
2. Nguồn không quy định các lựa chọn Đạt/Không đạt cố định. Điền kết quả theo tiêu chí của đơn vị (ví dụ: Đạt / Không đạt / Không áp dụng).
3. Điểm số, kết luận và chữ ký được nhập thủ công tại trang tính 'Chấm điểm và Ký kết'.
4. Đối với ảnh hoặc bằng chứng khác, nhập số bằng chứng vào cột 'Ghi chú / Số bằng chứng' và lưu trữ ảnh theo số.
5. Số hạng mục kiểm tra được đánh số lại liên tục. Ánh xạ với các dòng nguồn được ghi trong '编号对应表.xlsx' trong gói bàn giao.

## Danh sách kiểm tra hằng ngày của người lái xe nâng — Danh sách kiểm tra

| STT. | Mục / Phần | Hạng mục kiểm tra | Kết quả | Ghi chú / Số bằng chứng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Xác minh năng lực và đào tạo người vận hành | Người vận hành có chứng chỉ lái xe nâng còn hiệu lực do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp. | | |
| | Xác minh năng lực và đào tạo người vận hành | Ngày cấp chứng chỉ | | |
| | Xác minh năng lực và đào tạo người vận hành | Ngày hết hạn chứng chỉ | | |
| 2 | Xác minh năng lực và đào tạo người vận hành | Chứng chỉ bao gồm việc đào tạo về loại và mẫu xe nâng cụ thể đang vận hành. | | |
| 3 | Xác minh năng lực và đào tạo người vận hành | Người vận hành đã hoàn thành đào tạo cập nhật trong khoảng thời gian quy định hoặc sau khi xảy ra bất kỳ sự cố hay sự cố gần như nào. | | |
| 4 | Xác minh năng lực và đào tạo người vận hành | Đã hoàn thành đánh giá kết quả thực hiện có văn bản trong ba năm qua, theo yêu cầu của OSHA. | | |
| 5 | Tình trạng chung của thiết bị | Xe nâng sạch sẽ, không có bụi bẩn, dầu hoặc chất dễ cháy tích tụ quá mức trên bề mặt. | | |
| 6 | Tình trạng chung của thiết bị | Bảng thông số có tải trọng và thông tin vận hành rõ ràng, được gắn chắc chắn. | | |
| 7 | Tình trạng chung của thiết bị | Khung gầm và giàn chắn trên cao không có vết nứt kết cấu, cong vênh hay khuyết điểm mối hàn. | | |
| 8 | Tình trạng chung của thiết bị | Buồng người vận hành không có rác, dụng cụ rơi rớt hay vật dụng không được cố định. | | |
| 9 | Lốp xe và bánh xe | Lốp xe không có vết rạch, vật liệu mắc vướng hay dấu hiệu mất khối. | | |
| 10 | Lốp xe và bánh xe | Độ sâu rãnh lốp đủ để tạo độ bám và bề mặt có dấu hiệu mòn đều. | | |
| 11 | Lốp xe và bánh xe | Bánh xe và vành không bị nứt, cong vênh hay thiếu ốc. | | |
| 12 | Lốp xe và bánh xe | Đinh ốc bánh xe đủ số, siết chặt và không có dấu hiệu hư ren hay rỉ sét. | | |
| 13 | Chân càng, khung nâng và phụ kiện | Chân càng không có vết nứt, cong vênh hay hao mòn quá mức ở gót (theo giới hạn của nhà sản xuất). | | |
| 14 | Chân càng, khung nâng và phụ kiện | Chốt giữ chân càng và chốt khóa có đầy đủ và đã khóa hoàn toàn. | | |
| 15 | Chân càng, khung nâng và phụ kiện | Khung nâng và xích nâng chuyển động tự do, được bôi trơn đúng cách, không bị gãy khúc hoặc mòn. | | |
| 16 | Chân càng, khung nâng và phụ kiện | Các phụ kiện (bộ kẹp, bộ xoay, v.v.) được lắp chắc chắn và hoạt động đúng mục đích. | | |
| 17 | Hệ thống thuỷ lực | Mức dầu thuỷ lực trong khoảng vận hành an toàn, không có dấu hiệu nhiễm bẩn. | | |
| 18 | Hệ thống thuỷ lực | Xi-lanh, khớp nối và ống mềm không rò rỉ, không bị mài mòn hay phồng dưới áp lực. | | |
| 19 | Hệ thống thuỷ lực | Thao tác nghiêng và nâng diễn ra trơn tru, không bị khựng lại hay giật cục. | | |
| 20 | Hệ thống thuỷ lực | Khung nâng giữ nguyên vị trí, không xê dịch khi nhả cần điều khiển. | | |
| 21 | Bộ điều khiển và thiết bị đo | Hệ thống lái vận hành trơn tru, không bị chậm hay có khoảng chơi quá lớn. | | |
| 22 | Bộ điều khiển và thiết bị đo | Bàn đạp phanh ấn dần dần và giữ xe khi nhấn hết hành trình. | | |
| 23 | Bộ điều khiển và thiết bị đo | Tất cả các đồng hồ (ắc quy, đếm giờ, mức nhiên liệu, áp suất dầu, v.v.) cho chỉ số chính xác. | | |
| 24 | Bộ điều khiển và thiết bị đo | Các cần điều khiển nâng, nghiêng và phụ trợ phản hồi nhanh chóng, không bị kẹt. | | |
| 25 | Động cơ | Loại động cơ | | |

## Danh sách kiểm tra hằng ngày của người lái xe nâng — Danh sách kiểm tra

| STT. | Mục / Phần | Hạng mục kiểm tra | Kết quả | Ghi chú / Số bằng chứng |
|---|---|---|---|---|
| 26 | Động cơ | Đầu nối ắc quy chắc chắn, không bị ăn mòn, nứt hay đổi màu. | | |
| 27 | Động cơ | Dây chặn ắc quy còn nguyên, siết chặt và giữ ắc quy không bị di chuyển khi vận hành. | | |
| 28 | Động cơ | Mức sạc ắc quy phù hợp với thời lượng ca làm dự kiến. | | |
| 29 | Động cơ | Nắp thông hơi ắc quy có đầy đủ và không thấy rò rỉ dung dịch điện ly. | | |
| 30 | Động cơ | Bình nhiên liệu được cố định đúng cách, các kết nối không rò rỉ và vòng đệm O-rings còn nguyên vẹn. | | |
| 31 | Động cơ | Ống mềm và van trên bình LPG không có dấu hiệu mòn hay rò rỉ. | | |
| 32 | Động cơ | Mức nhiên liệu đầy đủ, van chặn hoạt động tốt và có dán nhãn. | | |
| 33 | Động cơ | Buồng máy không có mùi nhiên liệu, vũng nhiên liệu tích tụ hoặc cặn. | | |
| 34 | Đèn, gương và thiết bị an toàn | Đèn pha và đèn phanh hoạt động ổn định, không chớp nhấp hay mờ đi. | | |
| 35 | Đèn, gương và thiết bị an toàn | Thiết bị cảnh báo âm thanh (còi, chuông báo lùi) có âm lượng lớn và rõ ràng. | | |
| 36 | Đèn, gương và thiết bị an toàn | Gương trần và gương chiếu hậu sạch, không vỡ và được chỉnh đúng vị trí. | | |
| 37 | Đèn, gương và thiết bị an toàn | Dây đai an toàn kéo ra và thu vào tự do, khóa lại khi thử giật mạnh. | | |
| | Ký kết | Ghi chú bổ sung | | |

# Danh sách kiểm tra hằng ngày của người lái xe nâng — Chấm điểm và Ký kết

## Ký kết

| | |
|---|---|
| Chữ ký người vận hành | |
| Chữ ký của giám sát | |